

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11/02/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Ông Đinh Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 579/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm: 1969; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn K chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên ông bà đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Công K, sinh ngày 08/10/1994, Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/1996, Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 05/11/2000 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 02/12/2003. cháu K, cháu T và cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. bà H yêu cầu giao cháu Thúy cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn K trình bày: Ông thống nhất với những lời trình bày của bà H về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay ông K đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Công K, sinh ngày 08/10/1994, Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/1996, Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 05/11/2000 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 02/12/2003. cháu K, cháu T và cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với cháu Thúy thì ông K có ý kiến nếu Tòa án xem xét cho ly hôn thì ông K đồng ý nuôi dưỡng cháu Thúy theo ý kiến nguyện vọng của con, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Tấn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông K.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông K nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông K có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tấn K chung sống vợ chồng vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông K.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Công K, sinh ngày 08/10/1994, Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/1996, Nguyễn Thị Thùy V,

sinh ngày 05/11/2000 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 02/12/2003. cháu K, cháu T và cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, bà H yêu cầu giao cháu Thúy cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Thúy theo ý kiến của con. Xét thấy, sau khi ly thân ông K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thúy khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Đồng thời, cháu Thúy cũng có nguyện vọng sống với cha nên việc giao con chung cho ông K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Thúy.

Đối với cháu K, cháu T và cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 02/12/2003 cho ông Nguyễn Tấn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các con chung Nguyễn Công K,⁴ sinh ngày 08/10/1994, Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/1996, Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 05/11/2000, hiện đã thành niên và có khả năng lao động được.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17248 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh